

LỄ TỤC TRUYỀN THỐNG TỪ THAI KỲ ĐẾN SƠ SINH CỦA NGƯỜI KHMER Ở AN GIANG

Nguyễn Thị Hoàng Phương

Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Email: nthphuong@agu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Nhận ngày: 14/6/2021; Ngày nhận chỉnh sửa: 23/7/2021; Ngày duyệt đăng: 28/8/2021

Tóm tắt

Lễ tục từ thai kỳ đến sơ sinh là những nghi lễ, trong chuỗi nghi lễ vòng đời của con người, của nhiều dân tộc trên thế giới. Trong bài viết này, chúng tôi xin đề cập đến lễ tục truyền thống từ thai kỳ đến sơ sinh của người Khmer An Giang. Ngoài ra, bài viết còn đề cập đến một số biến đổi trong lễ tục mang thai và sinh nở của người Khmer An Giang hiện nay.

Từ khóa: *Khmer An Giang, lễ tục, sơ sinh, thai kỳ, truyền thống.*

KHMER TRADITIONAL RITUALS FROM PREGNANCY TO BIRTH IN AN GIANG

Nguyen Thi Hoang Phuong

An Giang University, Viet Nam National University, Ho Chi Minh City

Email: nthphuong@agu.edu.vn

Article history

Received: 14/6/2021; Received in revised form: 23/7/2021; Accepted: 28/8/2021

Abstract

The rituals from pregnancy to birth are those in the series of human life cycle ceremonies practiced by a great number of nations around the world. This article discusses The Khmers traditional rituals from pregnancy to birth in An Giang. Besides, the article also presents the current changes in these rituals of Khmer people in the province.

Keywords: *Birth, Khmer in An Giang, pregnancy, rituals, traditional.*

1. Đặt vấn đề

An Giang là một tỉnh phía Tây Nam của tổ quốc. Theo Ban Dân tộc tỉnh An Giang (2019) cho rằng: An Giang có diện tích tự nhiên: 3.424 km, với 29 dân tộc anh em sinh sống, trong đó, phần nhiều là dân tộc: Kinh, Khmer, Chăm, Hoa. Trong 29 dân tộc anh em ở An Giang, dân tộc Khmer là cư dân có số dân đông đứng hàng thứ 2 (sau người Kinh) và cũng là cư dân có một nền văn hóa truyền thống với nhiều phong tục, tập quán, tín ngưỡng lâu đời nhất ở An Giang (Ban Dân tộc tỉnh An Giang, 2019, tr. 1).

Văn hóa người Khmer An Giang trong quá khứ và hiện tại có vai trò rất quan trọng, là một trong những nguồn lực cho sự phát triển bản thân của tộc người cũng như con người ở tỉnh An Giang. Do vậy, việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Khmer là một vấn đề cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc là vấn đề chiến lược, luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, thể hiện qua các nghị quyết, chỉ thị, quyết định như: Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ VII (khóa IX) đã chỉ rõ: “Giữ vững và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất”; Quyết định số: 1270/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 27 tháng 7 năm 2011 về việc: Phê duyệt Đề án: “Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020”; Chỉ thị số: 194/CT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao - Du lịch ra ngày 20 tháng 10 năm 2011 về việc: Triển khai thực hiện Đề án “Bảo tồn phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020” (Nguyễn Thị Hoàng Phượng, 2019, tr. 48).

Như chúng ta đã biết, dân tộc Khmer nói chung và Khmer An Giang nói riêng là một trong những dân tộc có nền văn hóa lâu đời, với nhiều lễ tục, tín ngưỡng trong đời sống của người Khmer. Khi nói đến lễ tục, tín ngưỡng của người Khmer An Giang, chúng ta không thể không nhắc đến “lễ tục từ giai đoạn thai kỳ đến sơ sinh” của họ. Lễ tục này được xem là một mảng khá quan trọng trong lễ tục vòng đời của người Khmer An Giang, nó thể hiện rõ về sắc thái văn hóa của tộc người. Nghiên cứu “Lễ tục vòng đời từ giai

đoạn thai kỳ đến sơ sinh của người Khmer An Giang xưa và nay”, một mặt giúp ta hiểu được văn hóa và phong tục tập quán truyền thống của người Khmer An Giang, mặt khác nó là cơ sở khoa học cho việc bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay. Qua đó, vận động, giáo dục, thuyết phục nhằm chấn chỉnh các nghi lễ, tập tục không còn phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, dần dần tiến tới loại bỏ những tập tục lạc hậu. Từ đó, làm cơ sở để định hướng trong việc xây dựng và phát triển văn hóa dân tộc Khmer An Giang trên cơ sở bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa tộc người.

2. Lễ tục truyền thống từ thai kỳ đến sơ sinh của người Khmer ở An Giang

2.1. Những kiêng kỵ trong thai kỳ của người Khmer An Giang

Bất cứ một dân tộc, quốc gia nào trên thế giới và bất cứ ở thời điểm nào của lịch sử, tuổi trẻ bao giờ cũng có vị trí, vai trò cực kỳ quan trọng. Họ là sức sống, là điểm tựa vững chắc cho dân tộc, là chủ nhân tương lai của đất nước. Chính vì thế, mỗi gia đình, dân tộc, quốc gia muốn tồn tại và phát triển, điều cơ bản đầu tiên là đòi hỏi phải có nguồn nhân lực (tuổi trẻ). Nguồn nhân lực không chỉ dừng lại ở số lượng, thể lực mà cả trí tuệ. Vì vậy, khi đứa bé còn là bào thai trong bụng mẹ, đã được cha mẹ, gia đình, cộng đồng rất quan tâm chăm sóc và nuôi dưỡng. Điều này thể hiện qua hàng loạt các việc nên và không nên làm đối với người phụ nữ trong giai đoạn thai kỳ được dân gian lưu truyền từ xưa đến nay như: “Phải năng cất nhắc, vận động, đừng ăn không ngồi rồi, kiêng ăn nhiều chất bổ, sợ thai lớn khó sinh. Kiêng ăn trái cây sinh đôi, kiêng ăn cua để tránh sinh ngang, kiêng ăn sò, ốc, trai, hến để con khỏi có nhiều dốt, dãi. Không nên nóng giận, không có hành động gian ác, không nên xem nhìn những cảnh khiếp sợ, thương tâm” (Vũ Hồng Luật, 2003, tr. 16)

Xưa kia, tuổi lập gia đình đối với thiếu nữ Khmer An Giang từ 14 tuổi trở lên. Sau khi có gia đình, việc con cái đối với họ rất là quan trọng và cũng xem đó là chuyện “tùy duyên”. Vì vậy, sau khi lập gia đình người Khmer không bao giờ sử dụng phương pháp ngừa thai hay chọn ngày, tháng, năm cho con chào đời mà để việc ấy “thuận theo tự nhiên”. Do đó, có nhiều cặp vợ chồng đầu năm đám cưới, cuối năm lại có con ầm ồ.

Khi người phụ nữ có thai sẽ có một số tín hiệu như: tắt kinh, buồn nôn hay dị ứng một số mùi như: cá, thuốc hút, xăng (xăng dầu), nhang (nhang thờ cúng), mùi dầu thơm... Có người lại thích ăn những món ăn trước đây mà họ chưa từng ăn hay không thích. Có người trước đây thích ăn mặn nhưng khi mang thai lại thích ăn nhạt... Bên cạnh đó, kèm theo hàng loạt những kiêng kỵ trong ăn uống hay sinh hoạt hàng ngày mà trước đây chưa từng đề cập đến.

Do ở mỗi dân tộc có nền văn hóa riêng, vì vậy trong thời gian mang thai đối với phụ nữ Khmer cũng có nhiều điểm khác so với phụ nữ của các dân tộc khác trong và ngoài tỉnh An Giang. Tục ngữ Khmer có câu: “Một lần sảy bằng bảy lần sinh (Mui don roluk smo pram by kok)” (Võ Thành Hùng, 2010, tr. 86). Vì vậy, khi mang thai, phụ nữ Khmer An Giang tuân thủ rất nghiêm khắc, xem đây như một quy tắc buộc mọi người đều phải thực hiện và được truyền trong dân gian từ đời này sang đời khác.

Theo bà Chau Sóc My, năm nay 70 tuổi, ngụ tại xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cho biết: Khi mang thai, người Khmer An Giang kiêng cử những món ăn như: không ăn các chất quá cay, quá nóng hay quá đắng. Họ quan niệm, nếu ăn những chất này làm ảnh hưởng đến sức khỏe người mẹ, đặc biệt không tốt cho thai nhi hay các thức ăn có vị chát như: chuối chát, quả sộp, quả bần... vì họ cho rằng, sinh con ra không được sạch sẽ; hoặc không ăn mít chín, vì sợ trúng thực. Đối với thức uống, họ cử những nước uống có chất kích thích như: rượu, cà phê (làm thai nhi đen). Trong thời gian thai kỳ ở giai đoạn đầu (từ khi mới có thai cho đến tháng thứ 3) và giai đoạn cuối (tháng 7 đến khi sinh) người mẹ không được uống nước dừa tươi (vì giai đoạn đầu dễ bị sảy thai, giai đoạn cuối thai nhi mau lớn dẫn đến khó sinh). Khi ăn uống người mang thai phải ngồi, chứ không được đứng hay vừa đi vừa ăn; không được ăn chén, tô, đĩa, ly, ca mè hay đĩa cao đĩa thấp. Tư thế ngồi ăn là ngồi xếp “chè he”, đặc biệt trong bữa ăn chung với nhiều người, cho dù đã no hay chưa no, thì buộc người mang thai phải buông đĩa trước so với những người còn lại (người ta quan niệm làm như thế, đến khi sinh, sẽ sinh mau mắn). Ngoài ra trong khi ngồi, người mang thai cần tránh: không được ngồi ở hàng ba nhà (vì nơi đây là nơi nước mưa trút xuống, mọi thứ dơ bẩn từ nóc nhà rơi xuống từ đây; trong đó có ma quỷ); không ngồi ở bậc cửa cái vào nhà (sợ khi sinh, đứa bé cứ thò ra thụt vào); không ngồi cộ

trâu (sợ em bé sau này khó dạy); không ngồi trên cút đá (sợ mong em bé sinh ra có đốm xanh, đốm đen); không được chạy nhảy qua mương (sẽ làm sảy thai); không được leo trèo hay ngồi ghế cao (sợ té rồi sảy thay); không được đi hay ngồi nơi có đông người (sợ người ta nói chuyện lớn tiếng làm người mang thai giật mình, hay tức giận sẽ ảnh hưởng đến thai nhi). Trong động tác đi đứng, người mang thai phải đi khoan thai nhẹ nhàng; không đi guốc, giày cao gót (sợ vấp té rồi sảy thai); tránh đi xe chạy lên dốc hay xuống dốc nhất là đoạn đường gồ ghề (sợ sảy thai hay đến ngày sinh em bé cứ thò ra, thụt vào); không bước qua vồng (sợ nhau thai quấn cổ); không nằm vồng (sợ vồng đứt thai nhi khó giữ và ảnh hưởng sức khỏe của mẹ). Hạn chế tối đa việc ngủ trưa (sẽ làm em bé sinh ra lờn không được tỉnh táo, ngoài ra thai nhi mau lớn); không được tắm từ 17 giờ chiều trở về tối (vì thai nhi mau lớn sẽ khó sinh). Trong thời gian mang thai người mẹ phải luôn tỏ ra vui vẻ, tránh buồn phiền, cáu gắt, tức giận (vì ảnh hưởng đến sự phát triển trí tuệ của đứa trẻ). Ngoài ra, khi gia đình có người mang thai, người Khmer kiêng kỵ không trồng cây chuối hột gần nhà (vì ma quỷ thường theo cây chuối và sẽ vào nhà để quấy phá người mang thai và thai nhi sau khi chào đời).

Ngoài những kiêng kỵ trong thời gian mang thai đã nói trên, người Khmer còn đến nhờ sư (sư ở chùa) hoặc thầy (thầy bùa) làm bùa để đeo ở thắt lưng, còn gọi là “dây Kàtha”. Dây Kàtha thường làm bằng chỉ trắng hoặc chỉ màu (đỏ, vàng) và có bấm thoi chì, trong thoi chì có khắc bùa. Theo tác giả Lê Hương (1969, tr. 132) cho rằng: Bùa khắc trên chì là loại bùa thường được nhà sư của người Khmer làm. Một lối giữ bùa thông dụng trong giới người Khmer là nhà sư khắc bùa trên miếng chì, cuốn lại cột vào sợi dây se bằng chỉ ngũ sắc gọi là Kàtha, người ta gọi là dây niệt. Chính người đi xin bùa đem một cục chì đến nhờ sư định ngày làm lễ “Bonn Prasethi Kàtha” và sửa soạn trước. Sư hơ chì trên lửa cho mềm, dùng búa đập dẹp và cắt từng miếng dài 5 phân, ngang 3 phân. Sư dùng viết đầu bằng sắt nhọn (gọi là dekchak) vẽ bùa trên một mặt, đoạn cuốn tròn trên một sợi dây se bằng chỉ ngũ sắc gọi là Kse Kàtha. Số chì nhiều ít tùy theo loại dây Kàtha và tùy người xin. Một tác giả khác lại cho rằng: Người đeo Kàtha khi đi tắm phải cởi ra để trên bàn thờ (không nên để tứ tung), không được đi dưới sào phơi đồ hay quét dọn dưới gầm giường và không được ăn thịt: chó, ếch, trái khế, trái

bầu..., nếu ăn thì dây bùa mất tác dụng (Nguyễn Văn Lữ, 2007, tr. 33). Ngoài ra, người Khmer An Giang còn quan niệm, khi đeo Kàtha vào người để ngừa sự không hay xảy đến. Đối với người đi xa, đeo Kàtha đi đường để thượng lộ bình an; đối với người mang thai, đeo Kàtha để đem lại bình an cho thai nhi và người mẹ; đối với thiếu nữ, đeo Kàtha phòng tránh bùa nghe của người khác giới. Dây bùa có hiệu lực tùy vào sự ấn định của sư, có thể 3 tháng, 6 tháng. Hết thời gian ấn định phải đem dây Kàtha đến sư “tôm” bùa thêm, để giữ đủ quyền lực.

Tục ngữ Khmer có câu “Chùa là cửa mô (Chura la diou tri mô la quek)” (Võ Thành Hùng, 2010, tr. 88). Vì vậy trong thời kỳ mang thai, ngoài kiêng cử trong ăn uống, sinh hoạt và đeo Kàtha hàng ngày thì người mang thai còn đi chùa. Mục đích của người đàn bà Khmer có thai đến chùa là để cầu xin Đức Phật cho việc sinh nở sắp tới được mau mắn và “mẹ tròn con vuông”.

Ông Chau Kuôn, năm nay 72 tuổi, cư ngụ ấp Sà Lôn, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cho rằng: Khi mang thai, phần nhiều người Khmer An Giang mong muốn được sinh con gái. Vì con gái sau khi lấy chồng vẫn còn ở bên nhà mẹ đẻ, còn con trai phần nhiều sang nhà vợ sống. Ngoại trừ một số trường hợp cô dâu sang sống bên nhà chồng là do sự thỏa thuận của cha mẹ hai bên. Xưa kia khi y học chưa phát triển, nhưng trong thời gian mang thai người Khmer vẫn khám thai theo định kỳ là 3 tháng, 6 tháng (khám tại nhà mụ vườn) hay chuẩn đoán thai nhi là trai hay gái qua sự bắt mạch của bà mụ hoặc kinh nghiệm dân gian của những người lớn tuổi như thầy phụ nữ mang thai vui vẻ, khỏe mạnh họ cho thai nhi là con gái; còn con trai sẽ làm cho mẹ mệt mỏi và tâm trạng không được vui; hoặc ăn chua là trai, ăn ngọt là gái; bụng gọn và nhọn là trai, bụng to và bè là gái. Tuy nhiên, với cách chuẩn đoán trên chưa được chính xác.

Trong thời gian mang thai, nếu người mẹ và thai nhi không được khỏe, gia đình mời bà mụ đến nhà xem mạch và hốt thốt nam, hoặc mời sư đến nhà làm lễ hay mời thầy đến nhà làm phép nhằm cầu an cho mẹ và con. Trường hợp xấu hơn, khi thai nhi chưa chào đời mà mất trong bụng mẹ, người ta mời sư đến nhà làm lễ cầu siêu cho thai nhi và làm lễ cầu an cho người mẹ.

Theo Hòa thượng Chau Sơn Hy - Trụ trì chùa Sà Lôn thuộc ấp Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri

Tôn, tỉnh An Giang cho rằng: Để sinh cho mau mắn dễ dàng, khi còn khoảng 2 tháng đến ngày sinh, người Khmer thường đi lượm hoa Đomrek (hoa vô ưu) để nấu nước uống. Cây vô ưu còn được xem là loại cây linh thiêng đối với người theo Phật giáo Nam tông (Phật giáo Nguyên thủy), vì cây có liên quan đến cuộc đời của Phật Thích ca, cụ thể qua câu chuyện như sau: Ngày xưa, theo tục lệ khi chuẩn bị đến kỳ mãn nguyệt khai hoa, người vợ phải trở về quê cha mẹ đẻ để sinh nở. Hoàng hậu Maya (mẹ của Đức Phật Thích ca) cũng không ngoại lệ. Gần tới ngày sinh, bà cùng đoàn tùy tùng trở về nhà cha mẹ đẻ để sinh. Dọc đường, Hoàng hậu dừng chân nghỉ tại góc cây vô ưu thì cơn đau sinh lại đến. Trong lúc Hoàng hậu tìm vật gì để “bấu víu” trong cơn đau, bỗng nhiên cây vô ưu liền nghiêng nhánh xuống cho bà nắm lấy. Hoàng hậu vừa vịn cây thì đứa bé chào đời. “Đứa bé đó, sau này chính là Phật Thích Ca”. Vì vậy, mỗi khi mang thai gần đến ngày sinh, người Khmer đi lượm hoa vô ưu về nấu nước uống bắt nguồn từ câu chuyện trên.

Gần đến ngày sinh, người chồng hay người thân trong gia đình chuẩn bị những vật dụng cần thiết sử dụng trong lúc sinh và sau khi sinh như: chỗ nằm, củi, than (nằm lửa), thuốc ngâm rượu, tiêu hột, dầu nóng... giấy, báo, quần áo, tả lót (đồ cũ của cha mẹ rồi cắt ra), gạo, tiền... Có trường hợp đến ngày sinh mà thai nhi không chịu chào đời, ngoài việc nhờ bà mụ thăm khám, chỉnh sửa bào thai, người ta còn dùng phương ngoại như: hái đốt điên điển rửa sạch, sau đó giã nhuyễn rồi dùng nước sôi để nguội chế vào rồi khuấy lên ít vòng, sau đó để khoảng 10 phút, rồi lấy nước trong uống, còn cặn bỏ đi (ở cách này, người ta chuẩn đoán sinh con trai thì dùng 7 đốt, con gái thì dùng 9 đốt). Ngoài ra, người ta còn sử dụng cách xin gạo nấu cơm ăn để cho mau sinh (Ở cách này, người mang thai trực tiếp đến nhà hàng xóm xin gạo về nấu riêng ăn. Khi đến nhà hàng xóm xin gạo, người mang thai nói: cho tôi xin gạo; người chủ nhà mang gạo ra nói: gạo của tôi cho là nấu ăn phải để liền nhen. Ở cách này có thể lặp đi lặp lại nhiều lần (đi xin gạo nhiều lần để nấu cơm) cho đến khi sinh (Lưu ý: mỗi lần đi xin, chỉ xin nấu vừa đủ trong một bữa ăn, không được để thừa dư gạo qua bữa khác nấu, hoặc không nấu cơm dư để ăn bữa sau). Trường hợp xin gạo lặp đi/ lặp lại nhiều lần mà không sinh, người ta tiến hành phương pháp bỏ thai cứu mẹ (gia đình mời bà mụ đến nhà, bà mụ cho người mang thai uống thuốc, sau đó thai nhi sẽ sổ ra).

2.2. Lễ tục sau khi sinh

Sinh đẻ là thiên chức của người phụ nữ, chính vì thế, không riêng đối với người Khmer mà cả người Kinh, Hoa, Chăm ở An Giang khi đến ngày, giờ đau bụng sinh, người chồng hoặc người thân trong gia đình đi mời bà mụ vườn (thường ở mỗi phum người ta có mụ vườn) phụ giúp sinh. Cách sinh này làm theo kinh nghiệm, nên việc sinh đẻ trước đây gặp không ít nhiều rủi ro, hậu quả của nó dẫn đến nghiêm trọng, có thể đánh mất mạng sống của con người.

Nhà của người Khmer An Giang trước đây, phần nhiều là nhà đất lợp lá; vì vậy gần đến ngày sinh, gia đình chuẩn bị một cái giường bằng vật tre để ở gần góc bếp. Giường không quá cao mà cũng không quá thấp, độ sao thuận tiện cho việc nằm lửa không bị quá nóng. Khi nằm sinh, người Khmer không nằm quay đầu về hướng Tây (là hướng người chết nằm và em bé thường giật mình). Sau khi sinh người ta tắm cho sản phụ và trẻ em bằng nước nấu từ các loại lá cây như: lá bưởi (Slok kroch) lá sả (Slok kray), lá bài man, lá Tapuôl, lá tre (loại tre gai), lá chúc, lá bạch đằng. Việc tắm nước lá cây là để có mùi thơm cho mẹ lẫn con và còn tránh kiến, ruồi bu cắn đứa trẻ. Có nơi chỉ tắm mẹ, còn trẻ sau khi sinh 3 ngày mới được tắm (người Khmer Châu Thành). Trong thời gian trẻ chưa được tắm, người ta dùng nước sôi để ấm lau mình cho trẻ. Sau khi tắm, người ta dùng lá cây Slokthom hoặc giấy, báo để lót cho sản phụ nằm, vì lúc này băng huyết của sản phụ còn ra khá nhiều.

Khi sinh xong, người ta cắt “nhau thai” để vào miếng vải lụa và ướp chừng một chén muối, sau đó gói lại và cho vô bao mang để tại chân giường đúng 3 ngày. Sau đó, đem đi chôn ở khu vực đất nhà. Con trai chôn ở hướng Đông Bắc (vì người Khmer quan niệm hướng Đông Bắc là hướng Mặt trời mọc, thể hiện uy quyền người thanh niên khi lớn lên trách nhiệm trong gia đình trọn vẹn, dù không làm gì cũng có thể tu báo hiếu trả ơn cho cha mẹ. Đối với con gái chôn nhau theo hướng Tây, vì con gái chỉ có trách nhiệm trong gia đình nhỏ, không trọn vẹn bằng con trai, không được đi tu trả ơn cho cha mẹ. Đối với cuống rốn đứa trẻ, người ta dùng vải trắng (mới, sạch) chiều ngang khoảng 20 cm, quấn quanh bụng che cuống rốn, để giữ vệ sinh, phòng ngừa khi tắm tránh nước vào hay bị ruồi, kiến bám để bị nhiễm trùng. Thời gian rụng rốn sau khi sinh từ 3 ngày đến 7 ngày. Nếu 3 ngày rụng rốn mà là con trai, người ta đoán đứa bé này lớn lên “quậy phá khó dạy”; còn 7 ngày rụng là ngoan

và dễ dạy. Sau khi rụng rốn, người ta đem bỏ hoặc chôn bất cứ nơi đâu trong đất quanh nhà” (Nguyễn Văn Lữ, 2007, tr. 36-37).

Trong thời gian vừa mới sinh, người nhà thay phiên túc trực bên sản phụ và trẻ sơ sinh, đặc biệt là về đêm. Người Khmer cho rằng, trong thời gian này cơ thể của sản phụ còn ra huyết; vì vậy ma quỷ lợi dụng lúc vắng người để đến hút máu huyết và dẫn đến tính mạng sản phụ rất nguy hiểm, không khéo có thể bỏ mạng. Sau khi sinh, sản phụ và bé sơ sinh thường nằm lửa từ 7 đến 15 ngày. Trong thời gian nằm lửa, đầu sản phụ không được kê gối (vì lúc nằm lửa cơ thể nóng nhưng phần đầu do kê gối không nóng dẫn đến máu huyết không lưu thông; vì vậy thường đưa đến nhức đầu).

Để tránh tà ma đến quấy phá đứa bé và sản phụ, sau khi sinh, người ta mời thầy cúng (kru) đến đọc thần chú (manh - akôm), làm bùa rồi lấy chi trắng cột quanh bốn chân giường hay treo cây plakret (loại cây có gai mọc hoang trong núi) xung quanh nhà, nơi ở của sản phụ và bé hoặc lấy vôi trắng đánh dấu thập vào ở 2 cột nhà. Ngoài ra, phía trước nhà người ta còn treo 04 lá dừa, nhằm thông báo gia đình có người mới sinh, để người lạ không vào nhà (khi cần thiết người lạ đứng ngoài sân gọi người nhà đi ra) hay khách đến chơi giữ gìn lời ăn tiếng nói có ý tứ, nhỏ nhẹ hay không chê nhà có khói. Ở một số nơi như huyện Châu Thành (An Giang) khi trong nhà có người sinh, trước cửa nhà người ta không treo hay làm dấu hiệu gì. Tuy nhiên, để phòng trừ tà ma quấy rối sản phụ và trẻ, người ta thường lấy cây dâu tằm ăn treo trước cửa phòng, trên nóc mùng hoặc lấy lưới bao xung quanh mùng của trẻ và sản phụ. Từ ngày sinh cho đến ngày thứ 3, ngoài những người thân trong gia đình thì không ai được bước vào phòng của bé và sản phụ. Vì quan niệm, nếu người đến thăm, lời nói không khéo, sẽ ảnh hưởng không tốt đến mẹ con sản phụ. Do đó, thường đến ngày thứ 4 người ta mới cho thân nhân, họ hàng và chòm xóm đến thăm và người đến thăm hạn chế nói chuyện nhiều hay nói lớn tiếng và không được chê khen em bé, hoặc chỗ ở của hai mẹ con sản phụ...

Theo bà Châu Sóc My cho rằng: Trước đây có chị Nguyễn Thị A sinh, chị Lê Thị C là người hàng xóm đến thăm. Vô tình chị C nói chỗ ở của hai mẹ con chị A hơi nóng. Qua một hay hai ngày sau là chiếc chiếu nằm của hai mẹ con chị A cháy và em bé thì bị bỏng. Vì vậy, sau này khi ai đến thăm sinh,

lỡ lời không khéo hay chê khen mẹ con sản phụ, sau khi người đi thăm về, gia đình sản phụ phải hoá giải cho mẹ con sản phụ (Ví dụ: Người đi thăm nói chỗ ở của hai mẹ con sản phụ hơi nóng, người nhà của sản phụ rút bớt củi lửa ra...). Trong thời gian mẹ con sản phụ nằm lửa, em bé thường được đặt nằm gần đầu giường - nằm ngang đầu với sản phụ. Vì nằm trên đầu giường hạn chế nóng và dưới lưng của trẻ, người ta lấy báo hay vải lót cho đỡ nóng. Người ta cho bé nằm với tư thế thả lỏng thoải mái (họ lấy vải, khăn đắp ngang bụng mà không cần quấn chặt người của bé). Trường hợp trời mưa, người mẹ phải ngồi mà ôm bé, để tránh sấm, sét, trời gầm làm bé giật mình.

Để giữ tốt cho cơ thể mẹ và bé sau khi sinh, thì vấn đề ăn uống là một trong những điều rất cực kỳ quan trọng. Theo bà Nèang Thơm năm nay 69 tuổi, cư ngụ ấp Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cho rằng: Tuần đầu sau khi sinh, sản phụ chỉ ăn cơm với muối tiêu. Tuần tiếp theo là được ăn cá lóc, cá trèn, cá bóng, thịt heo nhưng phải kho tiêu cho thật mặn. Tuyệt đối khi mới sinh không được ăn canh; Đối với thịt gà, thịt vịt sau khi sinh được 5 hay 6 tháng mới được ăn. Tuy nhiên, sau khi ăn, người ta lấy xương của thịt gà, vịt vừa mới ăn đem đi nướng rồi tán ra thành bột. Nếu trường hợp người mẹ ăn không tiêu người ta lấy nước sôi chế vào bột của xương vừa nướng, để khoảng 10 phút, rồi lấy nước trong uống còn lớp cặn thì bỏ. Tuyệt đối không được ăn những đồ khó tiêu, đặc biệt là mít chín, củ sắn... Trước đây, bà có cô em họ, sinh được 3 tháng do ăn mít bị trúng, lúc gia đình đi vắng nhà nên người này mất mạng. Không được ăn chua sớm, từ tháng thứ 7 sau khi sinh mới được ăn (ăn đồ chua sớm sẽ bị bệnh âm đạo). Đối với thịt trâu, bò phải kiêng ăn đến khi em bé tới ngày thôi nôi. Trong thời gian ở cữ (sau sinh 1 tháng) sản phụ không được bóc muối, không cầm dao bằng sắt (sẽ đau ngực và không có sữa), không chải tóc sớm (rụng tóc), không nói chuyện nhiều, không uống nước đá (rụng răng sớm), không được đi lẹ, không được làm nặng (từ 5 - 6 ký), không giặt đồ. Đặc biệt sản phụ và trẻ mới sinh không được đi xa nhà (thứ nhất sợ gió, thứ 2 là ma quỷ dễ nhập vào làm hại hai mẹ con). Đồng thời, sản phụ còn phải xông hơi vùng kín, âm đạo để mau trở lại bình thường (người ta lấy trái dừa tươi hơi lửa cho nóng, rồi lấy vải quấn quanh trái dừa và sản phụ ngồi lên cho đến khi trái dừa hết nóng) và chỉ được sinh hoạt vợ chồng khi con được 3 tháng tuổi.

Để bồi bổ nuôi dưỡng cơ thể sau khi sinh hay cho máu huyết lưu thông, theo Hòa Thượng Danh Thiệp - Trụ trì chùa Séry Meang Kolsakor thuộc xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cho rằng, người ta thường uống thuốc ngâm rượu như: một số loại cây thuốc ở núi ngâm rượu, rượu thuốc sấu đầu, rượu cây cóc leo hay rượu ngâm tiêu (1 lít rượu thì 1 khía tiêu. Tiêu được cả nhuyển ra, ngâm vào rượu khoảng 2 ngày là uống được) hay uống nước muối (uống nước muối sau này đi mưa không bị cảm lạnh).

Để miệng em bé tránh có mùi tanh sau khi bú sữa mẹ, người Khmer cải tạo sữa mẹ bằng biện pháp như: Người ta dùng dừa khô đã được nạo và đựng vào cái đĩa, rồi dùng cái nồi đất (nồi nhỏ) chứa than, than đang cháy đỏ, sản phụ dùng bàn tay hơ trên nồi chứa than, đợi khi bàn tay nóng lên thì bóp vào dừa nạo, rồi sau đó dùng bàn tay ấy úp vào bầu sữa. Đối với trường hợp sau khi sinh sữa mẹ ít hoặc không có, người Khmer tiến hành thực hiện một số cách như: lấy đốt khoai lang còn tươi đem luộc rồi chấm với nước mắm hay nước cá kho để ăn; dùng cây cỏ ngà voi đã được phơi khô hay lá dừa chế nước vào, đem nấu để thay nước uống. Đặc biệt đối với người Khmer ở vùng Tri Tôn, Tịnh Biên người ta thường sử dụng cây gai bưởi nấu nước cho sản phụ uống (vì cây này ngoài việc nấu nước uống có sữa, nó còn có tác dụng trừ tà ma). Nếu dùng mọi cách không có sữa thì người ta đi xin sữa người trong xóm có con nhỏ hoặc lấy nước cơm, nước cháo để vào chút đường cho trẻ uống hay lấy gạo lúc đem đi xay thành bột, sau đó pha nước cùng thêm chút muối, chút đường đem để lên bếp khuấy cho đến khi bột chín rồi đem cho trẻ uống. Lưu ý, bột khuấy chín còn lỏng, không để đặc (nếu không có đường người ta dùng mật ong).

2.3. Lễ tục trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ sơ sinh

Không riêng vì người Kinh, Chăm, Hoa, mà ngay chính người Khmer luôn xem con cái là tài sản vô cùng quý giá và cũng là nơi gửi gắm nhiều hy vọng niềm tự hào của cha mẹ và gia đình. Vì vậy, khi đứa bé vừa cất tiếng khóc chào đời là bao nhiêu vui sướng, lo toan của cha mẹ và gia đình thể hiện rõ trên khuôn mặt. Do đó, trong việc chăm sóc, nuôi dạy con cái khi còn thơ cha mẹ rất quan tâm và được thể hiện cụ thể qua các lễ tục như sau:

2.3.1. Lễ trả ơn mẹ (*Pithi boncok chhmop*)

Sau khi sinh được 7 ngày, gia đình tiến hành

làm lễ trả ơn mẹ. Tùy vào điều kiện kinh tế của mỗi gia đình mà lễ tiến hành giản đơn hay long trọng. Phần nhiều lễ trả ơn mẹ của người Khmer An Giang tổ chức đơn giản hơn người Khmer Sóc Trăng, Trà Vinh. Thông thường khi đến ngày, gia đình nấu 2 mâm cơm, canh rồi mời bà mẹ cùng họ hàng đến chia vui. Sau khi cúng tổ tiên xong, bà mẹ cùng họ hàng xúm dùng cơm và nói lời chúc phúc cho đứa bé và lời chúc mừng gia đình. Sau khi họ hàng và bà mẹ ra về, lúc này gia đình cử một người mang lễ vật sang nhà bà mẹ biểu, cảm ơn bà có công hộ giúp khi sinh. Lễ vật thường gồm: một thúng lúa, chuối, dừa khô, vải (2 mét), trái cây, đồ ăn... một ít tiền.

2.3.2. Lễ cắt tóc (*Bon pha noh*)

Lễ cắt tóc cũng là lễ đặt tên cho đứa trẻ. Sau khi sinh được 3 tháng gia đình tổ chức làm lễ cắt tóc và đặt tên cho trẻ. Mục đích của lễ này là cầu an cho trẻ và cái tên để bé nhận biết cha, mẹ, dòng họ. Việc cắt tóc tùy nơi mà cắt giống và khác nhau. Đối với người Khmer huyện Tri Tôn, Tịnh Biên (An Giang) người ta thường cạo trọc cho trẻ (cả trai và gái); đối với Khmer Châu Thành bé trai cạo trọc, bé gái cắt tượng trưng. Một đặc điểm riêng của người Khmer Tri Tôn và Tịnh Biên thông thường đặt tên cho con đối với con gái phần tên thì đặt sao cho vần với tên của người mẹ, còn phần họ đều mang họ Néang (Thí dụ: Néang Sóc Thia); đối với con trai, phần tên cũng đặt sao cho vần với tên của người cha, còn phần họ đều mang họ Chau (Thí dụ: Chau Lót). Đối với người Khmer ở một số nơi như: Châu Thành, Thoại Sơn, Chợ Mới (An Giang) cả gái hoặc trai đều mang họ của cha giống người Kinh.

Nghi thức đặt tên hay cắt tóc thường do Achar Plia chủ trì (Achar Plia là người hiểu biết về các phong tục, lễ nghi trong tôn giáo của người Khmer). Thường người Khmer chỉ làm lễ cắt tóc và đặt tên cho đứa con đầu lòng (ít tiến hành nghi thức này cho các đứa con tiếp theo, vì sợ gây chú ý cho ma quỷ, đứa trẻ sẽ khó nuôi (Địa chí An Giang, 2013, tr. 851). Lễ cắt tóc và đặt tên cho trẻ thường được gia đình mời Acha đến thực hiện. Đối với trường hợp bé khó nuôi người ta tổ chức đặt tên cho con dưới một số hình thức như: Cách 1: gia đình nhờ một người trong phum có tuổi thọ cao và tuổi của người này phải hợp với tuổi của đứa bé, rồi nhờ người này đặt tên cho bé (tên được đặt thường người ta đặt tên xấu). Trong buổi đặt tên, người ta cũng tổ chức nấu cơm cúng ông bà, tổ

tiên; Cách 2: gia đình nhờ nhà sư đặt tên cho đứa bé. Thường người ta sắp xếp, bố trí để bé nằm ở ngã ba đường, hay nằm bên hiên nhà và tình cờ nhà sư đi ngang qua nhặt được và đặt tên cho bé. Sau đó nhà sư thông báo cùng mọi người trong phum, ai cần thì sư cho. Thế là cha mẹ của bé đến xin để nuôi. Sau khi đứa bé được mang về nhà, gia chủ nấu cơm, canh cúng trình tổ tiên, ông bà.

2.4. Lễ tục trong việc nuôi dưỡng, ốm đau ở trẻ sơ sinh

Trong thời gian từ khi sinh cho đến khi bé được 12 tháng tuổi, khi giặt quần áo, đồ dùng cho bé không được giặt ban đêm (sợ ma quỷ theo phá). Khi giặt quần áo của bé, tránh không được vắt (sợ bé bị vặn mình). Trong thời gian này, để đứa bé tránh khóc về đêm hay giựt mình khi ngủ, người ta thường lấy dầu tằm ăn làm vòng cho bé đeo tay.

Người Khmer cho trẻ ăn dặm ở khoảng bốn tháng tuổi. Có nhiều cách cho bé ăn, đối với người Khmer Tri Tôn, Tịnh Biên người ta thường lấy cơm được nấu vừa chín rồi đem nghiền nát ra, cho một ít đường hay mật ong vào rồi trộn cho đều, sau đó đem cho bé ăn; đối với người Khmer Châu Thành ngoài cách cho trẻ ăn dặm như người Khmer ở huyện: Tri Tôn và Tịnh Biên, người ta còn lấy cơm vừa nấu chín, rồi đem nghiền nát và cho vào chút muối, sau đó trộn lên, để vào lá chuối (lá chuối hột) rồi đem nướng bếp than. Sau khi lá chuối chuyển màu cũng là lúc cơm đã quá mềm, có mùi thơm, người ta mang cho trẻ ăn. Khi trẻ đến 3 tuổi lúc này người ta mới cho trẻ ăn cơm với cá, thịt (người Khmer An Giang quan niệm cho trẻ ăn cơm với cá, thịt sớm dẫn đến bụng to hay còn gọi là bệnh mắc cơm tích).

Trước kia, người Khmer không tổ chức ăn đầy tháng hay đầy tuổi (thôi nôi). Do xã hội trước đây còn thấp; vì vậy, người Khmer chưa được tiếp cận y tế nhiều. Trong suốt thời gian nuôi con, chẳng may trẻ bệnh, họ thường cúng vái, phun bùa hay uống thuốc nam chứ ít đi bác sĩ hay dùng thuốc tây. Khi đứa trẻ bị viêm họng, người ta lấy củ sả đập dập để vào chút muối, sau đó đem đút vào miệng cho trẻ nút. Ngoài ra, hái khoảng 5 đến 6 lá cỏ ngà voi, rửa sạch để vào ly, chế nước đang sôi vào, để khoảng 10 phút, lấy nước cho bé uống. Trường hợp trẻ bệnh nặng hơn, họ mời thầy về phun bùa (phun nước). Nước phun được làm bằng nước ướp hương. Nước ướp hương xưa kia người ta làm bằng nhiều cách: làm bằng sấp ong, hoa

lài, nhang. Nếu làm bằng hoa lài, người ta lấy hoa lài bóp dập dập rồi thả vào nước bùa (nước bùa là loại nước sạch, được thầy bùa làm phép); nếu làm bằng nhang, người ta đốt nhang khi khói bay lên, lấy ly úp xuống để chặn khói vào ly. Sau đó lật ngược ly lên rồi nhanh tay đổ nước bùa vào ly; nếu làm bằng sáp ong thì cho sáp ong vào ô dầy nắp lại và xông lửa lên, sau đó cho nước vào để lấy mùi thơm. Nếu phum bùa chưa hết bệnh, người ta tổ chức cúng Arăk. Arăk là vị thần không rõ về hình dáng, cũng không phân biệt tính thiện, ác nhưng chỉ xác định trong phạm vi hiển linh, đó là Arăk bảo vệ nhà (Arăk phtek), Arăk bảo vệ gia đình (Arăk phtan), Arăk của dòng họ tộc (Arăk xam), Arăk của nhiều dòng họ (Arăk chua chămbua), Arăk phum. Trường hợp trong gia đình có người bệnh nặng, không những trẻ em mà người lớn, người ta thường cúng Arăk của dòng họ. Hình thức cúng Arăk của dòng họ phải có người lên đồng (rub Arăk) để cầu xin ban bình an cho gia đình, chữa khỏi bệnh hiểm nghèo cho người bệnh. Tại Tịnh Biên, lễ cúng Arăk của người Khmer mở đầu chỉ diễn ra trong gia đình, nhưng giữa buổi cúng trở đi, hầu như có sự tham gia của cả cộng đồng. Phụ nữ các gia đình trong xóm, mỗi người mang một xị rượu trắng đến đưa cho người lên đồng để qua cốt đồng và ma thuật của người này họ được giải tỏa những điều họ muốn hỏi hoặc cầu xin (Địa chí An Giang, 2013, tr. 847- 848). Ở tại phum có người lên đồng, mỗi khi trong phum có ai bệnh, gia chủ đến nhờ người lên đồng xem để hóa giải và không quên mang theo trâu cau. Sau khi được người lên đồng nhận lời, hai bên hẹn ngày giờ tiến hành cúng Arăk. Việc cúng Arăk thường được dân làng trong phum chọn địa điểm cúng ở miếu ông Tà hay cây cổ thụ (cây được xem linh thiêng trong phum) để thực hiện nghi lễ. Lễ vật cúng ngoài rượu, đầu heo... lúc bấy giờ còn có âm nhạc (trống) và múa (người lên đồng). Tiếp theo là cuộc đàm đạo, hỏi đáp qua lại giữa người lên đồng và gia chủ về việc giải đáp, cầu xin, đòi hỏi, chỉ bảo để trị bệnh. Sau khi được người lên đồng hướng dẫn, gia chủ về nhà thực hiện như lời chỉ dẫn. Có trường hợp gia chủ cúng ở dọc đường đi (nơi đứa bé thường lui tới như từ nhà ngoại sang nhà nội...). Lễ vật cúng ở đây thường là: trứng gà hoặc con gà, hay cơm trắng, nải chuối..., tùy thuộc vào sự chỉ dẫn của người lên đồng. Đối với trường hợp cúng ở nhà nội (do sống bên nhà ngoại) hay cúng bên nhà ngoại (do sống bên nội), lễ vật cúng thường là một mâm cơm (cơm, canh,

đồ mặn...). Để hậu tạ công lao của người lên đồng, gia đình đền ơn bằng cách biếu một số vật như: một nải chuối, vải 2 mét, trái cây... Hằng năm, trong phum những gia đình có con nhỏ người ta chung hùn tiền mua lễ vật để tổ chức cúng Arăk, với mục đích cầu an cho tụi nhỏ trong phum.

3. Biến đổi trong lễ tục mang thai và sinh nở của người Khmer An Giang hiện nay

Ngày nay, do xã hội ngày càng tiến bộ, y tế lại phát triển; vì vậy nhận thức của người Khmer An Giang cũng có sự thay đổi so với trước đây. Hiện nay việc kết hôn của người Khmer An Giang đối với nữ từ 18 tuổi, nam từ 20 tuổi trở lên. Sau khi kết hôn phần nhiều vợ chồng chưa muốn có con sớm, vì vậy họ thực hiện kế hoạch ngừa thai, tuy nhiên cũng có nhiều cặp vợ chồng vẫn để thuận theo tự nhiên. Khi mang thai người Khmer vẫn còn kiêng cử trong việc ăn uống hay sinh hoạt hàng ngày, nhưng nhìn chung đã được hạn chế khá nhiều so với trước đây: không ăn các chất quá cay, quá nóng hay quá đắng; không làm nặng; không leo trèo; không nằm võng; không uống nước dừa tươi hay rượu và cà phê; không được ngủ trưa nhiều; không được tắm tối... Việc đeo dây Kàtha hay không được ăn chén, đĩa, tô mè hay dưa cao dưa thấp; không được vừa đi, vừa ăn; ăn phải thôi trước mọi người... Hiện nay, vẫn còn một số người vẫn còn giữ. Đối với trường hợp để biết thai nhi là gái hay trai khi còn trong bụng mẹ, phần nhiều người ta nhờ sự can thiệp vào của tiến bộ y khoa qua việc siêu âm.

Trong việc sinh nở, người Khmer An Giang vẫn còn sinh ở mụ vườn nhưng rất ít (người sinh ở trường hợp này thường là người có hoàn cảnh kinh tế nghèo, rất khó khăn và việc chôn nhau cũng tùy theo giới tính mà coi phương hướng để chôn), phần nhiều họ sinh ở trạm y tế hoặc bệnh viện. Tuy nhiên một điều lưu ý ở đây, người Khmer vẫn còn kiêng kỵ sinh nở nơi gần chùa chiền, vì vậy, có một số trạm y tế được xây cất nằm gần chùa, ít được người dân đến sinh nở. Sở dĩ có sự kiêng kỵ trong sinh nở ở gần chùa, là do tín ngưỡng tôn giáo của người Khmer An Giang cho rằng: “Chùa chiền là chốn rất linh thiêng, việc sinh nở ở gần chùa sẽ làm ô uế chốn tu hành”.

Sau khi sinh, đối với trường hợp sinh ở mụ vườn hay sinh thường ở trạm y tế, bệnh viện, phần nhiều người Khmer vẫn còn nằm than (lửa) và xông hơi, uống thuốc rượu để máu huyết lưu thông hay nằm kín gió, lấy bông gòn bịt tay, không đi xa nhà và trước

cửa nhà vẫn còn một số ít người treo lá dừa báo tin nhà có người sinh hay quét vôi trắng và mời thầy cúng về làm bùa để phòng trừ ma quỷ quấy phá. Đối với trường hợp sinh mổ, 100% sản phụ không nằm than, một số ít người vẫn còn xông hơi, uống thuốc rượu (phần nhiều người ta uống thuốc tây), nhiều người vẫn thực hiện những kiêng kỵ như: nằm kín gió, lấy bông gòn bịt tay, không đi xa nhà. Trong ăn uống, sản phụ thường ăn cá lóc, cá trèn, thịt heo kho mặn và canh đu đủ xanh hầm giò heo hay canh rau bồ ngót, canh bông hẹ..., nấu với cá lóc hoặc thịt heo. Nước uống là: nước đun sôi, sữa, trà bông cúc, những loại lá nấu uống cho có sữa...

Các lễ tục trước đây đối với trẻ không còn thực hiện nữa như: lễ trả ơn mẹ, lễ đặt tên, cắt tóc... Đối với trường hợp sinh ở mẹ vườn, để đền ơn bà mẹ hộ giúp khi sinh, gia đình gửi cho bà một ít tiền. Khi trẻ được 01 tuần tuổi hoặc lâu hơn thì cha mẹ hoặc người lớn tuổi trong gia đình sẽ đặt tên cho bé. Đối với trường hợp sinh ở trạm y tế, bệnh viện (vào khoảng năm 2003 trở về trước) sau khi nhận giấy chứng sinh của cơ sở y tế, nơi để tên bé người ta để trống và đến hàng tháng sau họ mới đi làm giấy khai sinh cho trẻ, còn hiện nay thì họ đặt tên liền cho trẻ ngay khi còn ở bệnh viện.

Riêng đối với những gia đình có điều kiện kinh tế, họ tổ chức ăn lễ đầy tháng, thôi nôi giống như người Việt, người Hoa, chỉ khác là có mời sư sãi đến đọc kinh chúc phúc cho trẻ. Trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ hiện nay cũng thay đổi hơn xưa. Khi mẹ không có sữa cho trẻ bú, người Khmer thay sữa mẹ bằng sữa hộp; khi trẻ bị bệnh người ta thường đưa trẻ đi bác sĩ, bệnh viện và uống thuốc tây nhiều hơn thuốc nam hay mời thầy phun bùa hoặc nhờ người lên đồng cúng Arăk. Khi trẻ đến tuổi ăn dặm thì người ta cho trẻ ăn bột, hay cháo hoặc cơm nghiền có cá, thịt.

4. Kết luận

Nhìn lại tiến trình lịch sử của dân tộc Việt Nam, dân tộc Khmer sinh sống trên địa bàn An Giang cũng như Khmer sinh sống ở Đồng bằng Sông Cửu Long đã hội nhập một cách nhanh chóng vào cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Nghĩa là, đồng bào Khmer đã từng đồng cam cộng khổ với người Việt Nam và các dân tộc anh em khác trong sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Đồng bào người Khmer An Giang là một trong những dân tộc có nền văn hóa truyền thống lâu đời

và đặc sắc, đặc biệt qua những nghi lễ vòng đời có vị trí hết sức quan trọng. Nó chẳng những chi phối đến đời sống cá nhân, cộng đồng mà còn có tính độc lập tương đối đến sắc thái văn hóa tiêu biểu của dân tộc mình. Chính những nghi lễ vòng đời đã góp phần quan trọng trong việc lưu giữ, trao truyền cho thế hệ sau những di sản văn hóa của dân tộc đã được hình thành qua bao đời. Nó là nguồn tư liệu gốc hiện hữu sống động trong đời sống của cộng đồng người Khmer An Giang và “Lễ tục truyền thống từ thai kỳ đến sơ kỳ của người Khmer An Giang” nằm một trong những khâu mắc xích đầu tiên quan trọng trong nghi lễ vòng đời của dân tộc Khmer. Qua nghiên cứu, chúng ta nhận thấy, trong mỗi nghi lễ, phản ánh rõ nét đặc trưng của một nền văn hóa dân tộc truyền thống lâu đời của người Khmer ở An Giang. Hiện nay, do nền kinh tế - xã hội phát triển và sự giao thoa văn hóa của các dân tộc ngày càng tiến lại gần hơn, vì vậy, đã có ít nhiều thay đổi trong phong tục, tập quán, truyền thống của người Khmer, diễn hình qua phần biến đổi trong lễ tục mang thai và sinh nở của người Khmer An Giang hiện nay.

Trên cơ sở kế thừa từ nền văn hóa truyền thống cùng những tác động của nền kinh tế thị trường và sự tiếp thu, giao lưu giữa các nền văn hóa của 03 anh em dân tộc khác (Kinh, Hoa và Chăm) thì nền văn hóa của người Khmer An Giang ngày càng phong phú và tiến bộ hơn mà chúng ta thấy qua nghiên cứu Lễ tục truyền thống từ thai kỳ đến sơ sinh của người Khmer An Giang hay nói cách khác hơn đó là sự chuyển biến tích cực trong lễ tục mang thai và sinh nở của người Khmer An Giang hiện nay. Có thể nói, nghi lễ vòng đời từ giai đoạn thai kỳ đến sơ sinh của người Khmer An Giang nói riêng đã tạo ra một bản sắc văn hóa truyền thống độc đáo, góp phần làm phong phú thêm cho văn hóa truyền thống chung của tỉnh An Giang, Việt Nam, đó là một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc./.

Lời cảm ơn: Để hoàn thành bài viết, chúng tôi được sự hỗ trợ của Thư viện Tỉnh An Giang, Thư viện Trường Đại học An Giang, đặc biệt Hòa thượng Châu Sơn Hy - Trụ trì Chùa Sà Lôn, ông: Châu Kuôn, bà: Nàng Thơm ở ấp Sà Lôn, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cùng Hòa thượng Danh Thiệp - Trụ trì Chùa Séry Meang Kolsakor, bà: Châu Sóc My ở xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Xin nhận nơi tôi lòng chân thành biết ơn!

Tài liệu tham khảo

- Ban Dân tộc tỉnh An Giang. (2019). *Báo cáo Tổng kết công tác tổ chức thực hiện và kết quả sơ bộ điều tra dân số 2019 tỉnh An Giang*. Ban Dân tộc tỉnh An Giang.
- Lê Hương. (1969). *Người Việt gốc Miên*. Sài Gòn.
- Nguyễn Văn Lữ. (2007). *Những nghi lễ vòng đời chủ yếu của người Khmer xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang*. Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Việt Nam.
- Nguyễn Thị Hoàng Phượng. (2019). Tang lễ người Khmer An Giang theo Phật giáo Nam Tông ở tỉnh An Giang hiện nay. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, Số 36, 02-2019, 48-56.
- Phòng văn sâu: Hòa thượng Châu Sơn Hy - Trụ trì Chùa Sà Lôn, ông: Châu Kuôn, bà: Nèang Thơm ở ấp Sà Lôn, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang; Hòa thượng Danh Thiệp - Trụ trì Chùa Séry Meang Kolsakor, bà: Châu Sóc My ở xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.
- Trần Văn Bồn. (1999). *Một số lễ tục dân gian người Khmer Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: NXB: Văn hóa Dân tộc.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang. (2013). *Địa chí An Giang*. An Giang. Công ty Cổ phần tỉnh An Giang.
- Vũ Hồng Luật. (2003). *Nghi lễ vòng đời của người Chăm Islam tại ấp Phum Soài, xã Châu Phong, huyện Tân, tỉnh An Giang*. Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Việt Nam.
- Võ Thành Hùng. (2010). *Nghi lễ vòng đời người Khmer tỉnh Sóc Trăng*. Hà Nội. NXB: Văn hóa Dân tộc.